TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14 /12/2017
Về việc: Tranh chấp
hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYÊN T– TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Đình Hợp

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Đình Sanh và bà Nguyễn Thị Kim Dung

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Ngọc Thành, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 14/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" thụ lý số 307/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H1 - Sinh năm 1990, có mặt

Địa chỉ: Xóm K, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Đình Th - Sinh năm 1986

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm K, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*> Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị H1 trình bày: Chị H1 và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện , có đăng ký kết hôn ngày 05/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên to tiếng và xô sát lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và đoàn thể địa phương khuyên giải nhiều lần nhưng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2012 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị H1 xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Vợ chồng có hai con chung cháu Lê Thị Minh H2, sinh ngày 27/12/2009 và cháu Lê Đình Việt A, sinh ngày 30/01/2012, từ khi vợ chồng ly thân, chị H1 trực tiếp nuôi cả hai con, anh Th không quan tâm hỏi han gì, nay vợ chồng ly hôn chị H1 xin nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Chị H1 trình bày, vợ chồng ly thân đã lâu,không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Đình Th, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Th, nhưng anh Th không có ý kiến gì cũng không đến Tòa án làm việc, do vậy Tòa án không làm việc được với anh Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn anh Lê Đình Th, theo tài liệu nguyên đơn cung cấp anh Thắng có hộ khẩu thường trú thôn K, xã M,huyện T nhưng sau khi thụ lý vụ án, anh Thắng và gia đình vắng mặt tại địa phương, không đăng ký tạm vắng, tạm trú với địa phương, Tòa án đã tiến hành xác minh, anh Th vẫn thường xuyên đi về nhưng cố tình giấu địa chỉ nên địa phương không biết anh Th ở đâu, do vậy tòa án không tống đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho anh Thắng được và tiến hành niêm theo quy định của pháp luật tại nơi anh Th cư trú xóm K xã M, huyện T và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T để anh Th biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh Th vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân**:** Chị Lê Thị H1 và anh Lê Đình Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng sống chung được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên to tiếng với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, không ai quan tâm đến ai mà bỏ mặc nhau điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H1 xin ly hôn anh Th là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H1, xử cho chị Hiền được ly hôn anh Th.

[3] Về con cái: Vợ chồng có hai con chung cháu Lê Thị Minh H2, sinh ngày 27/12/2009 và cháu Lê Đình Việt A, sinh ngày 30/01/2012, từ khi vợ chồng ly thân, anh Th bỏ mặc các con cho chị H1 chăm sóc không quan tâm hỏi han gì, nay chị H xin nuôi cả hai con,không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, anh Th không có ý kiến gì, hiện tại anh Th không có mặt tại địa phương, xét thấy yêu cầu nuôi con của chị H1 là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81,82 83 Luật hôn nhân và gia đình nên giao chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu,

anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ**:** Chị H1 trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Th cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, Điều 273,280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H1 được ly hôn anh Lê Đình Th.

Về con chung: Giao chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng cháu Lê Thị Minh H2, sinh ngày 27/12/2009 và cháu Lê Đình Việt A, sinh ngày 30/01/2012, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi, cấp dưỡng nuôi con, anh Th được quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Không có, các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Chị H1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003038 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Thanh Hóa, chị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
-VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ.

Lê Đình Hợp